| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG ANA**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 11 năm 2018
"V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Trần Đôn.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vũ Kim Quy.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 25 /2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1997. Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

*2. Bị đơn:* Anh Dương T, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú tại: Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Kim H trình bày*** :

Chị H kết hôn với anh Dương T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 22/02/2016. Quá trình chung sống, chị và anh T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, về kinh tế không có sự thống nhất. Anh T tính tình gia trưởng, độc đoán, không nghe lời góp ý của vợ, thường xuyên rượu chè say xỉn về chửi bới chị H, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Nhận thấy giữa chị và anh T không

còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Dương Bảo L, sinh ngày 11/11/2016, hiện cháu đang ở với chị H.

Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị H và anh T không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Đối với bị đơn anh Dương T*** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc nên không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 35; 39; 48; 51; 68; 70; 71; 72; 96; 97; 195; 196; 203; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Kim H, cho chị H được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Giao cháu Dương Bảo L, sinh ngày 11/11/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Trần Thị Kim H chịu chi phí thông báo.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị Kim H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Dương T. Đây là quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Bị đơn anh Dương T hiện đang trú tại: Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Dương T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn anh Dương T vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Kim H và anh Dương T đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Chánh Tây, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định vào ngày 22/02/2016, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị H xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, về kinh tế không có sự thống nhất. Anh T tính tình gia trưởng, độc đoán, không nghe lời góp ý của vợ, thường xuyên rượu chè say xỉn về chửi bới vợ, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Sau khi kết hôn anh T và chị H chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa mẹ chồng nàng dâu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Anh T tính tình gia trưởng, không nghe góp ý của vợ, không hòa giải mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu mà chỉ nghe theo lời mẹ đẻ, bắt vợ làm theo ý mình. Anh T thường uống rượu say xỉn về nhà kiếm cớ đánh đập vợ con. Sự việc xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh T và chị H đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay, chị H đã cương quyết xin ly hôn với anh T vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị Trần Thị Kim H và anh Dương T có 01 con chung là Dương Bảo L, sinh ngày 11/11/2016, hiện cả cháu đang sống với chị H. Nhận thấy,

hiện nay các cháu vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Xét thấy hiện nay cháu L còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ hơn, hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ nên cần giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Kim H không yêu cầu nên không giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Trần Thị Kim H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị Trần Thị Kim H chịu chi phí là 2.875.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí thông báo đã nộp tại Tòa án là 2.875.000đ

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 180, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim H.

*1. Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Kim H được ly hôn với anh Dương T.

*2. Về nuôi con chung*: Giao cháu Dương Bảo L, sinh ngày 11/11/2016 cho chị Trần Thị Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Kim H không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Dương T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*3. Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Trần Thị Kim H xác định không có nên không giải quyết.

*4. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:* Chị Trần Thị Kim H chịu chi phí là 2.875.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí thông báo đã nộp là 2.875.000đ.

*5. Về án phí*: Chị Trần Thị Kim H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị H đã nộp tại biên lai số 0005709 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn B;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trần Đôn**